

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 6 - 2022

“V/v: Ly hôn và
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Bạ

- Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường - kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 802/2021/TLST-HNGĐ ngày 31/12/2021, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đỗ Hồng N – sinh năm 1990

Địa chỉ: LTT, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Mạnh T – sinh năm 1986

Địa chỉ: TH, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Hồng N trình bày:**

Tôi và ông Nguyễn Mạnh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2014 tại Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố B, Đắk Lắk. Thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn, trong cuộc sống tình cảm mâu thuẫn như sau: chúng tôi gây gổ nhiều lần, không cùng quan điểm sống, nay tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn.

Chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hà M – sinh ngày 23/7/2014 hiện nay cháu đang do tôi nuôi dưỡng. Nguyên vọng của tôi là được nuôi dưỡng các cháu đến khi thành niên và không yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không tham gia tố tụng tại Tòa án

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Đỗ Hồng N và ông Nguyễn Mạnh T có kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 07/01/2014 tại Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố B, Đắk Lắk, quá trình sống chung ông T và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, bà N nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T là có căn cứ nên cần chấp nhận. Về con chung bà N có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hà M – sinh ngày 23/7/2014 là có cơ sở phù hợp với quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung bà N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết. Về án phí, bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đỗ Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Mạnh T, có địa chỉ tại thành phố Buôn Ma Thuột, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Mạnh T, nguyên đơn bà Đỗ Hồng N đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông T theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Hồng N và ông Nguyễn Mạnh T tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/01/2014 (giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2014), đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, bà N xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn.

Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà N, ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà N yêu cầu ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Bà Đỗ Hồng N và ông Nguyễn Mạnh T có 01 người con là cháu Nguyễn Ngọc Hà M – sinh ngày 23/7/2014. Hiện nay đang được bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần và xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu M và nguyện vọng của cháu M, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu M cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Nguyễn Mạnh T có quyền và nghĩa vụ thăm non, chăm sóc các con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Hồng N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Hồng N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đỗ Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Hồng N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh T.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hà M – sinh ngày 23/7/2014 cho bà Đỗ Hồng N nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Mạnh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Đỗ Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0012084 ngày 24/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP BMT;
- UBND phường TL;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự